

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY**

CHỦ SỞ HỮU: UBND TỈNH NAM ĐỊNH

Kỳ báo cáo: Năm 2021

1. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CÔNG TY

1.1. Chi tiết đánh giá tình hình Công ty

a) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

- Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2021 là: 862.716 triệu đồng tăng 24.406 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu là 861.751 triệu đồng; Quỹ đầu tư phát triển là 303 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 662 triệu đồng.

- Tổng tài sản đến 31/12/2021: 869.787 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 172 triệu đồng;

- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là: (ROE) là: 0,02%, như vậy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra được 0,02 đồng lợi nhuận sau thuế.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 0,0197%, như vậy cứ 100 đồng tài sản sẽ tạo ra 0,0197 đồng lợi nhuận sau thuế.

b) Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước:

- **Tình hình đầu tư dự án:** Năm 2021, đơn vị không thực hiện dự án đầu tư nào;

- **Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:** Không có.

- **Tình hình huy động và sử dụng vốn:** Không có.

- **Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:**

+ Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ theo quy định của pháp luật:

Tài sản cố định đến ngày 31/12/2021: 852.847 triệu đồng tăng so với năm 2020 là: 24.515 triệu đồng cụ thể như sau:

Nguyên giá tài sản cố định tăng gồm: 3 công trình từ dự án do Sở Nông nghiệp PTNT bàn giao cho công ty là 24.234 triệu đồng, và 2 công trình nâng cấp từ nguồn vốn khấu hao 676 triệu đồng; Tài sản cố định giảm do thanh lý xe ô tô và nhà để xe: 658 triệu đồng.

Khấu hao lũy kế giảm: 263 triệu đồng (Trong đó khấu hao tăng trong năm là 395 triệu đồng và giảm do thanh lý là 658 triệu đồng)

+ Việc ban hành Quy chế quản lý nợ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: Đến thời điểm báo cáo, công ty đã xây dựng quy chế theo Quyết định số 85B ngày 01/12/2021 về quản lý công nợ.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo là: Tổng số nợ phải thu đến kỳ báo cáo là 6.850 triệu đồng, tăng so với năm 2020 là 2.787 triệu đồng. Công ty không có nợ phải thu khó đòi. Nợ phải thu của công ty bao gồm: Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 2.044 triệu đồng; Trả trước cho người bán ngắn hạn: 1.387 triệu đồng; Phải thu ngắn hạn khác: 3.469 triệu đồng; Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: - 50 triệu đồng.

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo: Tổng số nợ phải trả là 7.071 triệu đồng; tăng so với năm 2020 là 669 triệu đồng. Công ty không có nợ phải trả quá hạn. Nợ phải trả của công ty bao gồm: Phải trả cho người bán ngắn hạn: 1.251 triệu đồng, người mua trả tiền trước: 2.331 triệu đồng, thuế và các khoản phải trả Nhà nước 0,5 triệu đồng, phải trả người lao động 1.392 triệu đồng, phải trả ngắn hạn khác 2.082 triệu đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi: 14 triệu đồng.

Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 2,32 lần, hệ số này cho thấy khả năng thanh toán của công ty là rất tốt đảm bảo an toàn về tài chính.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,82% cho thấy khoản nợ rất nhỏ so với vốn chủ sở hữu.

c) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính:

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy có hoạt động sản xuất chính đặc thù trong lĩnh vực thủy nông, sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu của công ty là diện tích tưới, tiêu mà công ty phục vụ cho địa bàn mình quản lý. Hoạt động sản xuất phụ là nhận thầu thi công xây lắp, tư vấn thiết kế các công trình xây dựng cơ bản.

- Diện tích tưới, tiêu công ty thực hiện năm 2021 là: 44.499,12 ha bằng 100% so với kế hoạch năm 2021 và bằng 89,67% so với năm 2019; bằng 89,67 so với năm 2020.

- Về doanh thu thực hiện năm 2021 là: 51.953 triệu đồng, đạt 101% so với kế hoạch. Giảm so với năm 2019 là: 19.613 triệu đồng tương ứng giảm 27,41%. Giảm so với năm 2020 là 8.645 triệu đồng, tương ứng với giảm 14,27%.

- Hiệu quả hoạt động:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là: (ROE) là: 0,02%, như vậy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra được 0,02 đồng lợi nhuận sau thuế.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 0,0197%, như vậy cứ 100 đồng tài sản sẽ tạo ra 0,0197 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Tình hình thực hiện sản phẩm công ích:

+ Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích diện tích tưới tiêu (ha) thực hiện trong năm 2021 là: 44.499,12 ha, bằng 100% so với kế hoạch năm 2021; bằng 89,67% so với cùng kỳ năm 2020, không có ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ không đạt yêu cầu.

+ Chi phí phát sinh liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm 2021 là: 51.149 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch năm và giảm 6,06% so với cùng kỳ 2020.

+ Về doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm 2021 là: 51.149 triệu đồng, bằng 100% so với kế hoạch và bằng 93,94% so với cùng kỳ năm 2020.

- Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo:

Doanh nghiệp luôn có khả năng cân đối dòng tiền tạo ra với nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính và có khả năng thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp. Điều này thể hiện ở hệ số thanh toán nợ đến hạn tại thời điểm 31/12/2021 là 2,32 lần. Như vậy hệ số này cho thấy khả năng thanh toán của công ty là rất tốt, duy trì ổn định trong những năm tới.

d) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty hoàn thành các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ theo đúng quy định.

- Năm 2021, công ty chưa phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.

- Trong năm công ty dùng quỹ khen thưởng 18 triệu đồng để khen thưởng các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy chế bình xét thi đua năm 2021 của công ty.

đ) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật:

Trong năm 2021, công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Công ty đã thực hiện chấp hành đúng chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Năm 2021 Công ty không có kiến nghị nào của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

e) Giải trình của công ty đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp:

Báo cáo số 191/2022AEA/BCTC ngày 21 tháng 2 năm 2022 của Công ty TNHH kiểm toán Đông Á về kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 có ý kiến ngoại trừ về công ty không trích khấu hao các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc và

máy móc phục vụ dịch vụ công ích thủy lợi vào chi phí và chưa thay đổi vốn điều lệ trên giấy phép kinh doanh. Công ty xin giải trình như sau:

+ Công ty không trích khấu hao là do Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thì khi xây dựng giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi không có chi phí khấu hao đối với các tài sản trên nên công ty không trích khấu hao.

+ Công ty đã trình cơ quan đại diện chủ sở hữu thay đổi vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2021.

1.2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của công ty

Năm 2021 tình hình sản xuất kinh doanh của công ty còn có những khó khăn chủ yếu do nguyên nhân khách quan: Giá cả yếu tố đầu vào tăng theo cơ chế thị trường, thời tiết diễn biến bất thường, dịch bệnh diễn ra liên tiếp ... Nhưng công ty vẫn đảm bảo phục vụ tưới, tiêu tốt cho diện tích 44.499,12 ha. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích là: 51.149 triệu đồng. Công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 2,32 lần đảm bảo an toàn về tài chính. Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, chấp hành đầy đủ pháp luật và các quy định của Nhà nước.

2. KẾT LUẬN CỦA CÔNG TY

- Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty được duy trì ổn định, đảm bảo công tác an sinh xã hội, việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên.
- Các chỉ tiêu tài chính của công ty tốt, công ty đảm bảo an toàn về tài chính.
- Công ty đã chấp hành đầy đủ các chế độ, quy định, chính sách pháp luật hiện hành.

Phân loại doanh nghiệp: - An toàn về tài chính ☒ - Mất an toàn về tài chính ☐

Nam Định, ngày 16 tháng 5 năm 2022

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU



**CHỦ TỊCH
ĐẶNG MẠNH DƯƠNG**

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư (Triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2021 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 31/12/2021 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)
			Tổng	Vốn tự có	%	Vốn huy động	%		Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
B	Các dự án nhóm B																	
C	Các dự án khác																	
	Tổng cộng																	

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Phương



Giao Thuỷ, ngày 18 tháng 5 năm 2022

Đặng Mạnh Dương

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty LK	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty LK
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Kỳ/Năm trước	Kỳ/Năm báo cáo	Kỳ/Năm trước	Kỳ/Năm báo cáo				
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/20... hoặc 31/12/20...	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 30/6/20... hoặc 31/12/20...										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(15)/(5)	(17)	(18)
I	Công ty con																
II	Công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính																
								X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X
								X	X	X	X	X	X			X	X

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Phương



Giao Thủ ngày 16 tháng 5 năm 2022


Đặng Mạnh Dương

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

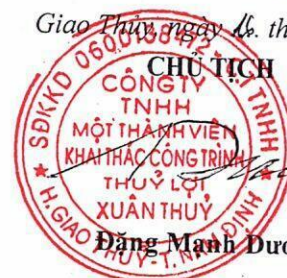
ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Thực hiện năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Năm 2019	Năm 2020	Kế hoạch năm
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[2]	[7]=[5]/[3]	[8]=[5]/[4]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu(ha)	49.625,30	49.625,30	44.499,12	44.499,12	89,67	89,67	100,00
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.192	59.787	51.149	51.585	75,65	86,28	100,85
2. Giá vốn hàng bán	65.082	54.870	46.849	47.446	72,90	86,47	101,27
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.110	4.917	4.300	4.139	133,09	84,18	96,26
4. Doanh thu hoạt động tài chính	3.055	796	200	202	6,60	25,32	100,78
5. Chi phí tài chính							
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.770	5.115	4.300	4.273	89,58	83,54	99,37
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.395	598	200	68	4,85	11,32	33,90
9. Thu nhập khác	319	17	5	166		1.007,92	3.326,14
10. Chi phí khác	331	10	5	34			
11. Lợi nhuận khác	-12	7	-	132		2.038,28	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.383	605	200	200	14,48	33,12	100,24
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	284	86	40	28	9,87	32,59	70,17
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	1.099	519	160	172	15,67	33,21	107,76

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Phương

Giao Thủ ngày 16 tháng 5 năm 2022




Đặng Mạnh Dương

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2021

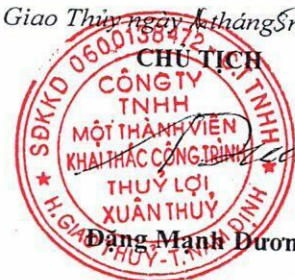
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm. (Ha)	44.499,12	44.499,12	100,00	89,67
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	Không	Không		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	Không	Không		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm (tr đồng)	51.149	51.149	100,00	93,94
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm (tr đồng)	51.149	51.149	100,00	93,94

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Phương

Giao Thủy ngày 14 tháng 5 năm 2022



Đặng Mạnh Dương

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ năm sau
1. Thuế	(226)	71	78	(234)
- Thuế GTGT	(232)			(232)
- Thuế TNDN	6	28	36	(2)
- Thuế Xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế đất		23	23	0
- Các khoản thuế khác				-
- Thuế môn bài	-	3	3	-
- Thuế TNCN	-	17	17	1
2. Các khoản phải nộp khác		-	-	-
- Phí, lệ phí				-
- Các khoản phải nộp khác				-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phân lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				
Tổng cộng	(226)	71	78	(234)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2020

ĐVT: triệu đồng

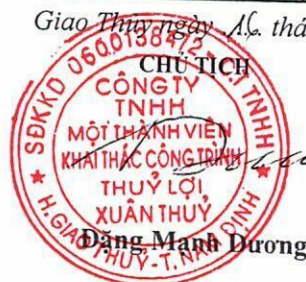
Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	303			303
2. Quỹ Khen thưởng	31		18	13
3. Quỹ phúc lợi	1			1
3. Quỹ thưởng VCQLDN				
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Phương

Giao Thủ ngày 15 tháng ... năm 2022



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2021

Chỉ tiêu 1(tr.đồng)			Chỉ tiêu 2							Chỉ tiêu 3					Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Xếp loại DN
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng g)	Xếp loại	Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành	Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích	
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/Nợ NH (lần)					
51.354	51.953	A	160	172	837.820	843.878	0,019%	0,020%	A	16.410	7.071	2,32	0	A	A	A	A

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Phương

Giao Thủy ngày 16 tháng 5 năm 2022



Đặng Mạnh Dương